ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số:435 /KH-UBND	*Hải Phòng, ngày* 27 *tháng* 10 *năm 2026*

KẾ HOẠCH

Thực hiện Chương trình hành động số 35-CTr/TU ngày 31/8/2026 của Ban Thường vụ Thành ủy và Nghị quyết số 208/NQ-CP ngày 04/8/2026 của Chính phủ về bảo vệ môi trường và chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu trong thời kỳ mới

Thực hiện Nghị quyết số 208/NQ-CP ngày 04/8/2026 của Chính phủ ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Kết luận số 75-KL/TW ngày 28/7/2026 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIV về bảo vệ môi trường và chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu trong thời kỳ mới; Chương trình hành động số 35-CTr/TU ngày 31/8/2026 của Ban Thường vụ Thành ủy thực hiện Kết luận số 75-KL/TW ngày 28/7/2026 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIV về bảo vệ môi trường và chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu trong thời kỳ mới.

Ủy ban nhân dân thành phố ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện với các nội dung sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

a) Cụ thể hóa đầy đủ các mục tiêu, chỉ tiêu, nhiệm vụ, giải pháp của Chương trình hành động số 35-CTr/TU và các nhiệm vụ tại Nghị quyết số 208/NQ-CP thuộc trách nhiệm, thẩm quyền của địa phương thành các nhiệm vụ quản lý nhà nước phù hợp với điều kiện thực tế và yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội của thành phố.

b) Tổ chức thực hiện đồng bộ các nhiệm vụ phòng ngừa, kiểm soát ô nhiễm, cải thiện chất lượng môi trường sống; quản lý, sử dụng hiệu quả tài nguyên; bảo tồn thiên nhiên, đa dạng sinh học; chủ động thích ứng với biến đổi khí hậu, phòng, chống thiên tai; chuyển đổi xanh, phát triển kinh tế tuần hoàn, kinh tế các-bon thấp và giảm phát thải khí nhà kính.

c) Tập trung giải quyết các vấn đề môi trường trọng điểm; hoàn thiện hạ tầng môi trường; kiểm soát các nguồn thải lớn, khu vực có nguy cơ ô nhiễm cao; nâng cao khả năng chống chịu trước thiên tai, biến đổi khí hậu; gắn yêu cầu bảo vệ môi trường với quá trình phát triển đô thị, công nghiệp, khu kinh tế, cụm công nghiệp, cảng biển - logistics, nông nghiệp, nông thôn, ven biển và hải đảo.

d) Xác định rõ trách nhiệm của các sở, ban, ngành, địa phương và cơ quan, đơn vị liên quan; tăng cường phối hợp, kiểm tra, đôn đốc, đánh giá kết quả; huy động và sử dụng hiệu quả các nguồn lực.

2. Yêu cầu

a) Bám sát mục tiêu, chỉ tiêu, nhiệm vụ, giải pháp của Chương trình hành động số 35-CTr/TU; đồng thời cụ thể hóa đầy đủ các nhiệm vụ Nghị quyết số 208/NQ-CP giao cho địa phương, bảo đảm đúng chức năng, nhiệm vụ và thẩm quyền.

b) Nhiệm vụ, giải pháp phải có trọng tâm, trọng điểm, khả thi, phù hợp với điều kiện thực tế của thành phố; bảo đảm rõ trách nhiệm, rõ phối hợp, rõ tiến độ và kết quả thực hiện; mỗi nhiệm vụ cụ thể chỉ giao một cơ quan chủ trì.

c) Kế thừa, lồng ghép và tổ chức thực hiện có hiệu quả các chương trình, kế hoạch, đề án, dự án đã được phê duyệt; hạn chế phát sinh nhiệm vụ mới khi nội dung có thể được thực hiện thông qua các công cụ quản lý, chương trình, kế hoạch hiện có.

d) Huy động, phân bổ và sử dụng hiệu quả các nguồn lực; phát huy trách nhiệm của cơ quan nhà nước, doanh nghiệp, cộng đồng và người dân; thường xuyên kiểm tra, giám sát, đánh giá kết quả thực hiện.

II. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu tổng quát

a) Nâng cao năng lực lãnh đạo, quản lý và quản trị môi trường của thành phố; tạo chuyển biến mạnh mẽ trong nhận thức và hành động về bảo vệ môi trường, chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu; chủ động phòng ngừa, kiểm soát và xử lý ô nhiễm, suy thoái môi trường; bảo vệ sức khỏe Nhân dân, bảo tồn thiên nhiên, đa dạng sinh học và phục hồi các hệ sinh thái.

b) Gắn bảo vệ môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu với đổi mới mô hình tăng trưởng, chuyển đổi xanh, phát triển kinh tế tuần hoàn, kinh tế các-bon thấp; quản lý, khai thác và sử dụng hiệu quả tài nguyên; nâng cao khả năng chống chịu của đô thị, kết cấu hạ tầng, hoạt động sản xuất, kinh doanh và đời sống Nhân dân trước thiên tai, biến đổi khí hậu; phát huy lợi thế của thành phố cảng biển, công nghiệp, dịch vụ, logistics và kinh tế biển để phát triển nhanh, bền vững.

2. Mục tiêu cụ thể đến năm 2030

a) Về phòng ngừa, kiểm soát ô nhiễm và quản lý chất thải

- Nâng cao hiệu quả quản lý, kiểm soát các nguồn gây ô nhiễm; 100% các nguồn nước thải, khí thải lớn được quan trắc tự động, liên tục.

- Từng bước hoàn thiện đồng bộ hạ tầng thu gom, xử lý nước thải; 100% cụm công nghiệp có nước thải được xử lý đạt quy chuẩn môi trường; 70% nước thải sinh hoạt đô thị tại phạm vi đô thị loại I được thu gom, xử lý đạt quy chuẩn môi trường.

- Nâng cao hiệu quả phân loại, thu gom, vận chuyển, tái sử dụng, tái chế và xử lý chất thải; 100% chất thải rắn sinh hoạt đô thị và 100% chất thải rắn sinh hoạt khu vực nông thôn được thu gom, xử lý; tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt được xử lý bằng phương pháp chôn lấp trực tiếp so với lượng chất thải được thu gom dưới 30%.

b) Về bảo tồn thiên nhiên, đa dạng sinh học và tài nguyên thiên nhiên

- Tăng cường bảo tồn thiên nhiên, đa dạng sinh học, phục hồi hệ sinh thái; quản lý, khai thác và sử dụng hiệu quả tài nguyên đất, nước, rừng, biển, ven biển và các nguồn tài nguyên khác; tỷ lệ che phủ rừng đạt 6,5%.

- Thành lập Khu bảo tồn biển Cát Bà - Long Châu và điều chỉnh ranh giới Khu bảo tồn biển Bạch Long Vĩ theo quy hoạch và quy định của pháp luật.

c) Về chủ động thích ứng với biến đổi khí hậu và phòng, chống thiên tai

- Nâng cao năng lực quan trắc, dự báo, cảnh báo, phòng ngừa và ứng phó với thiên tai, biến đổi khí hậu; tăng khả năng chống chịu của người dân, đô thị, khu dân cư, hệ thống hạ tầng và các ngành, lĩnh vực.

- Đến năm 2030, 100% số hộ dân thuộc khu vực thường xuyên xảy ra thiên tai có nhà ở an toàn; 100% hộ dân sinh sống ở nơi có nguy cơ cao xảy ra lũ quét, sạt lở đất được di dời đến nơi an toàn.

d) Về chuyển đổi xanh, kinh tế tuần hoàn và giảm phát thải khí nhà kính

- Đẩy mạnh chuyển đổi xanh, phát triển kinh tế tuần hoàn, kinh tế các-bon thấp; sử dụng tiết kiệm, hiệu quả tài nguyên và năng lượng; phát triển khu công nghiệp sinh thái, năng lượng tái tạo, công trình xanh; tăng cường quản lý và giảm phát thải khí nhà kính.

- Đến năm 2030, tỷ trọng kinh tế xanh đạt 10%; tỷ lệ khu công nghiệp sinh thái đạt 10%; tỷ trọng năng lượng tái tạo trong tổng cung năng lượng sơ cấp đạt 26,5%; giảm tiêu hao năng lượng 1,5%/năm; có 50 công trình xây dựng xanh được chứng nhận; giảm phát thải khí nhà kính 9% so với kịch bản phát triển thông thường.

đ) Về nguồn lực thực hiện

Bảo đảm nguồn lực cho công tác bảo vệ môi trường và ứng phó với biến đổi khí hậu; thực hiện mục tiêu tỷ lệ chi sự nghiệp bảo vệ môi trường trong tổng chi ngân sách nhà nước hằng năm trung bình tối thiểu 2% trong giai đoạn 2026 - 2030 theo Chương trình hành động số 35-CTr/TU; đồng thời huy động và sử dụng hiệu quả các nguồn lực xã hội và các nguồn vốn hợp pháp khác. Việc bố trí kinh phí từ ngân sách thành phố thực hiện theo dự toán được cấp có thẩm quyền giao, phân cấp ngân sách, khả năng cân đối và quy định của pháp luật.

Các chỉ tiêu chủ yếu, mức mục tiêu và cơ quan theo dõi, tổng hợp được cụ thể tại Phụ lục I kèm theo Kế hoạch.

III. NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP

1. Tuyên truyền, giáo dục, nâng cao nhận thức và huy động sự tham gia của toàn xã hội

a) Đổi mới nội dung, phương thức tuyên truyền, phổ biến chính sách, pháp luật về bảo vệ môi trường, quản lý tài nguyên và ứng phó với biến đổi khí hậu phù hợp với từng nhóm đối tượng, lĩnh vực và địa bàn.

b) Tăng cường truyền thông, hướng dẫn thực hành phân loại chất thải tại nguồn, giảm sử dụng sản phẩm nhựa dùng một lần, sử dụng tiết kiệm tài nguyên và năng lượng, tiêu dùng xanh, bảo vệ thiên nhiên, chủ động phòng tránh thiên tai và thích ứng với biến đổi khí hậu.

c) Lồng ghép kiến thức, kỹ năng về bảo vệ môi trường, biến đổi khí hậu, kinh tế tuần hoàn, lối sống xanh và phòng, chống thiên tai trong giáo dục, đào tạo, bồi dưỡng và các hoạt động văn hóa, du lịch, cộng đồng.

d) Phát huy vai trò của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam thành phố, các tổ chức chính trị - xã hội, hiệp hội, cộng đồng doanh nghiệp và Nhân dân trong tuyên truyền, vận động, giám sát, phản biện xã hội; xây dựng, duy trì và nhân rộng các mô hình, sáng kiến có hiệu quả.

2. Hoàn thiện thể chế, pháp luật; nâng cao hiệu lực, hiệu quả thực thi; tăng cường kiểm tra, giám sát

a) Rà soát, tổ chức thực hiện và tham mưu hoàn thiện các cơ chế, chính sách, quy định thuộc thẩm quyền thành phố về bảo vệ môi trường, quản lý tài nguyên, khí tượng thủy văn, biến đổi khí hậu và phòng, chống thiên tai; kịp thời xử lý hoặc kiến nghị xử lý các quy định chồng chéo, bất cập.

b) Phân định rõ trách nhiệm giữa các Sở, ban, ngành và Ủy ban nhân dân cấp xã trong quản lý nguồn thải, chất thải, tài nguyên, hạ tầng môi trường, sự cố môi trường, khí tượng thủy văn, biến đổi khí hậu và phòng, chống thiên tai.

c) Lồng ghép yêu cầu bảo vệ môi trường, sử dụng hiệu quả tài nguyên, bảo tồn thiên nhiên, thích ứng với biến đổi khí hậu và giảm phát thải khí nhà kính trong quy hoạch, kế hoạch, chương trình, đề án và dự án phát triển thuộc thẩm quyền thành phố.

d) Nâng cao chất lượng thẩm định, cấp phép, đăng ký và hậu kiểm về môi trường; tăng cường quản lý dựa trên dữ liệu, mức độ rủi ro và quá trình tuân thủ pháp luật.

đ) Tổ chức thanh tra, kiểm tra, giám sát có trọng tâm, trọng điểm, tránh chồng chéo; tăng cường hướng dẫn, đối thoại, hỗ trợ tổ chức, doanh nghiệp nhận diện, phòng ngừa và khắc phục các nguy cơ vi phạm; xử lý nghiêm các hành vi vi phạm theo quy định.

3. Huy động, phân bổ và sử dụng hiệu quả các nguồn lực cho bảo vệ môi trường và ứng phó với biến đổi khí hậu

a) Ưu tiên bố trí nguồn lực cho các nhiệm vụ trực tiếp phục vụ hoàn thành mục tiêu, chỉ tiêu của Kế hoạch; hạ tầng thu gom, xử lý nước thải, chất thải; quan trắc, giám sát; xử lý ô nhiễm; bảo tồn thiên nhiên; phòng, chống thiên tai và thích ứng với biến đổi khí hậu. Việc bố trí chi sự nghiệp bảo vệ môi trường từ ngân sách thành phố căn cứ dự toán được cấp có thẩm quyền giao, phân cấp ngân sách, khả năng cân đối và quy định của pháp luật.

b) Lồng ghép nhiệm vụ bảo vệ môi trường và ứng phó với biến đổi khí hậu vào kế hoạch đầu tư công, dự toán ngân sách, chương trình, kế hoạch, đề án, dự án có liên quan; bảo đảm quỹ đất phù hợp cho các công trình hạ tầng môi trường và phòng, chống thiên tai theo quy hoạch.

c) Huy động nguồn lực từ doanh nghiệp, xã hội hóa, hợp tác công - tư, vốn ODA, vốn vay ưu đãi, viện trợ, tài chính xanh, tài chính khí hậu và các nguồn hợp pháp khác.

d) Hỗ trợ tổ chức, doanh nghiệp tiếp cận các cơ chế, chính sách về tín dụng xanh, tài chính xanh, tài chính khí hậu và nguồn vốn phục vụ đổi mới công nghệ, xử lý ô nhiễm, chuyển đổi xanh và thích ứng với biến đổi khí hậu.

4. Tập trung giải quyết các vấn đề bức xúc về môi trường; chủ động phòng ngừa, kiểm soát ô nhiễm và cải thiện chất lượng môi trường sống

a) Tăng cường quản lý chất lượng môi trường không khí, nước, đất và môi trường biển; tập trung kiểm soát ô nhiễm tại khu vực đô thị, khu kinh tế, khu công nghiệp, cụm công nghiệp, làng nghề, khu vực khai thác và chế biến khoáng sản, cảng biển, kho bãi - logistics, công trường xây dựng và khu vực có nguy cơ ô nhiễm cao.

b) Kiểm soát chặt các nguồn nước thải, khí thải lớn; tăng cường kết nối, tiếp nhận, quản lý và khai thác dữ liệu quan trắc tự động, liên tục phục vụ giám sát, cảnh báo, hậu kiểm và xử lý vi phạm.

c) Quản lý, cải thiện chất lượng nước tại sông, kênh, mương, hồ, hệ thống thủy lợi, cửa sông và vùng ven biển; kiểm soát nguồn xả thải, tải lượng chất ô nhiễm và khả năng chịu tải của môi trường; phối hợp giải quyết các vấn đề môi trường có tính liên vùng, liên tỉnh.

d) Đẩy nhanh đầu tư, hoàn thiện và vận hành hiệu quả hệ thống thu gom, xử lý nước thải sinh hoạt đô thị; hạ tầng bảo vệ môi trường cụm công nghiệp; hệ thống xử lý nước thải tại khu kinh tế, khu công nghiệp và các khu vực sản xuất, kinh doanh tập trung.

d) Tổ chức phân loại chất thải rắn sinh hoạt tại nguồn gắn với thu gom, vận chuyển, trung chuyển và xử lý; phát triển hạ tầng, công nghệ tái sử dụng, tái chế, thu hồi năng lượng và xử lý chất thải, giảm chôn lấp trực tiếp.

đ) Tăng cường quản lý chất thải công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại, chất thải y tế, chất thải xây dựng và các loại chất thải khác; thúc đẩy tái sử dụng, tái chế chất thải làm nguyên liệu, vật liệu khi đáp ứng yêu cầu theo quy định.

e) Rà soát, xử lý ô nhiễm tại làng nghề, khu vực tồn lưu hóa chất, thuốc bảo vệ thực vật, khu vực khai thác khoáng sản, bãi chôn lấp, khu tập kết, xử lý chất thải và các khu vực có vấn đề môi trường kéo dài.

f) Nâng cao năng lực phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường, sự cố chất thải, hóa chất, tràn dầu; hoàn thiện cơ chế phối hợp, chuẩn bị lực lượng, phương tiện và điều kiện cần thiết để xử lý kịp thời khi xảy ra sự cố.

5. Bảo tồn thiên nhiên, phục hồi hệ sinh thái, đa dạng sinh học; quản lý và sử dụng hiệu quả tài nguyên thiên nhiên

a) Bảo vệ, phục hồi rừng, rừng ngập mặn, hệ sinh thái biển, ven biển, cửa sông, đất ngập nước và các hệ sinh thái tự nhiên có giá trị; bảo vệ loài nguy cấp, quý, hiếm, nguồn gen và sinh cảnh quan trọng.

b) Tăng cường bảo tồn, phục hồi hệ sinh thái biển, ven biển; hoàn thiện hồ sơ, thủ tục thành lập Khu bảo tồn biển Cát Bà - Long Châu và điều chỉnh ranh giới Khu bảo tồn biển Bạch Long Vĩ; nâng cao hiệu quả quản lý, giám sát, phục hồi hệ sinh thái tại các khu bảo tồn và khu vực có giá trị đa dạng sinh học cao.

c) Gắn bảo tồn thiên nhiên, đa dạng sinh học với phát triển du lịch sinh thái, sinh kế bền vững và phát huy giá trị cảnh quan, sinh thái; tăng cường bảo vệ môi trường tại khu vực ven biển, biển và hải đảo.

d) Quản lý, khai thác, sử dụng tiết kiệm, hiệu quả tài nguyên đất, nước, khoáng sản, rừng, biển và hải đảo; tăng cường điều tra, kiểm kê, giám sát và số hóa dữ liệu tài nguyên.

đ) Bảo đảm an ninh nguồn nước; phòng ngừa, kiểm soát ô nhiễm, suy thoái, cạn kiệt nguồn nước; tăng cường bảo vệ hành lang nguồn nước và phối hợp quản lý các nguồn nước liên tỉnh.

e) Từng bước triển khai lượng giá tài nguyên, dịch vụ hệ sinh thái, hạch toán vốn tự nhiên và lồng ghép giá trị thiên nhiên, đa dạng sinh học vào quy hoạch, kế hoạch và quyết định đầu tư theo quy định.

6. Chủ động thích ứng hiệu quả với biến đổi khí hậu, giảm thiểu rủi ro thiên tai, nâng cao mức độ an toàn của người dân và nền kinh tế

a) Rà soát, cập nhật và tổ chức thực hiện Kế hoạch hành động ứng phó với biến đổi khí hậu của thành phố phù hợp với phạm vi, điều kiện tự nhiên, kinh tế - xã hội và các kịch bản biến đổi khí hậu được công bố; thực hiện giám sát, đánh giá hoạt động thích ứng với biến đổi khí hậu trên địa bàn thành phố theo quy định.

b) Đánh giá tác động, tính dễ bị tổn thương, rủi ro, tổn thất và thiệt hại do

biến đổi khí hậu; xây dựng, cập nhật cơ sở dữ liệu, bản đồ rủi ro và xác định các khu vực, ngành, lĩnh vực, hệ thống hạ tầng và nhóm dân cư cần ưu tiên thích ứng.

c) Nâng cao năng lực quan trắc khí tượng thủy văn, dự báo, cảnh báo sớm và truyền tin thiên tai; tăng cường chia sẻ, khai thác thông tin phục vụ quản lý, chỉ đạo, điều hành và phòng ngừa rủi ro.

d) Đầu tư, nâng cấp hệ thống thoát nước, tiêu thoát nước, đê điều, công trình phòng, chống thiên tai, giao thông, hạ tầng đô thị và công trình thiết yếu theo hướng tăng khả năng chống chịu với bão, mưa lớn, ngập úng, triều cường, nước biển dâng và các tác động của biến đổi khí hậu.

đ) Rà soát các khu vực, hộ dân có nguy cơ cao; triển khai các giải pháp bảo đảm nhà ở an toàn cho các hộ dân thuộc khu vực thường xuyên xảy ra thiên tai; xây dựng và tổ chức thực hiện phương án bố trí, sắp xếp, di dời dân cư đến nơi an toàn, gắn với hạ tầng thiết yếu và điều kiện sinh kế.

e) Phát triển, nhân rộng các mô hình nông nghiệp thông minh, xanh, phát thải thấp, thích ứng với biến đổi khí hậu; sử dụng hiệu quả tài nguyên nước, vật tư và phụ phẩm trong sản xuất.

f) Rà soát, củng cố lực lượng, phương tiện, vật tư, trang thiết bị phục vụ phòng, chống thiên tai, ứng phó sự cố, tìm kiếm cứu nạn; tổ chức huấn luyện, diễn tập và nâng cao khả năng phối hợp, huy động khi xảy ra tình huống.

7. Chuyển đổi xanh, phát triển kinh tế tuần hoàn, kinh tế các-bon thấp và quản lý phát thải khí nhà kính

a) Lồng ghép yêu cầu chuyển đổi xanh, kinh tế tuần hoàn, sử dụng hiệu quả tài nguyên và phát thải thấp trong phát triển các ngành, lĩnh vực và không gian kinh tế của thành phố, góp phần thực hiện mục tiêu tỷ trọng kinh tế xanh trong GRDP của thành phố đến năm 2030.

b) Phát triển công nghiệp xanh, sản xuất sạch hơn, công nghiệp tái chế và xử lý chất thải; chuyển đổi khu công nghiệp theo mô hình khu công nghiệp sinh thái; tăng cường cộng sinh công nghiệp, tuần hoàn nguyên liệu, nước, năng lượng và phụ phẩm.

c) Phát triển năng lượng mới, năng lượng tái tạo, năng lượng sạch; triển khai các giải pháp sử dụng năng lượng tiết kiệm, hiệu quả trong sản xuất, xây dựng, giao thông, thương mại và dịch vụ.

d) Phát triển đô thị xanh, công trình xanh, vật liệu xây dựng xanh, giao thông xanh; khuyến khích áp dụng các giải pháp xanh, thông minh, tiết kiệm tài nguyên và giảm phát thải trong hoạt động cảng biển, kho bãi, vận tải và logistics; từng bước tổ chức thực hiện các yêu cầu quản lý đối với khu vực/vùng phát thải thấp phù hợp điều kiện phát triển của thành phố.

đ) Chuyển đổi sản xuất nông nghiệp, lương thực, thực phẩm theo hướng tuần hoàn, giảm phát thải và bền vững; tăng tái sử dụng, tái chế phụ phẩm, chất thải trong sản xuất.

e) Tăng cường kiểm kê, quản lý và giảm phát thải khí nhà kính; thực hiện đo đạc, báo cáo, thẩm định theo quy định; nâng cao năng lực của tổ chức, doanh nghiệp trong thực hiện các yêu cầu về giảm phát thải và tham gia thị trường các-bon.

8. Phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số và đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao

a) Đẩy mạnh nghiên cứu, ứng dụng, chuyển giao khoa học và công nghệ phục vụ quan trắc, giám sát, dự báo, xử lý ô nhiễm, tái chế chất thải, sử dụng hiệu quả tài nguyên, năng lượng, giảm phát thải khí nhà kính, bảo tồn thiên nhiên và thích ứng với biến đổi khí hậu.

b) Khuyến khích lựa chọn, ứng dụng công nghệ sạch, công nghệ tiên tiến, tiết kiệm tài nguyên, năng lượng và ít phát thải; tăng cường kiểm soát việc tiếp nhận, sử dụng công nghệ, thiết bị có nguy cơ gây ô nhiễm.

c) Xây dựng, cập nhật, kết nối và khai thác hiệu quả cơ sở dữ liệu về môi trường, tài nguyên, khí tượng thủy văn, biến đổi khí hậu và phòng, chống thiên tai; bảo đảm đồng bộ, liên thông và phục vụ quản lý, giám sát, dự báo, cảnh báo.

d) Đẩy mạnh ứng dụng trí tuệ nhân tạo, dữ liệu lớn, viễn thám, GIS và các nền tảng số trong quản lý nguồn thải, chất lượng môi trường, tài nguyên và rủi ro thiên tai, biến đổi khí hậu.

đ) Tăng cường liên kết giữa cơ quan quản lý nhà nước, viện nghiên cứu, trường đại học và doanh nghiệp; thu hút, phát huy chuyên gia, nhà khoa học và nguồn nhân lực chất lượng cao.

e) Đào tạo, bồi dưỡng nâng cao năng lực đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức làm công tác môi trường, tài nguyên, khí tượng thủy văn, biến đổi khí hậu và phòng, chống thiên tai, nhất là cán bộ trực tiếp thực hiện nhiệm vụ tại cấp xã.

9. Đẩy mạnh hợp tác và hội nhập quốc tế

a) Tăng cường phối hợp với các Bộ, ngành Trung ương, các tỉnh, thành phố trong quản lý nguồn nước, lưu vực sông, ô nhiễm liên vùng, môi trường biển, phòng, chống thiên tai và ứng phó với biến đổi khí hậu.

b) Chủ động triển khai các hoạt động hợp tác quốc tế thuộc thẩm quyền; kết nối đối tác phát triển, tổ chức quốc tế, viện nghiên cứu và doanh nghiệp để huy động tri thức, công nghệ, hỗ trợ kỹ thuật và nguồn lực phục vụ bảo vệ môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu và chuyển đổi xanh.

c) Tăng cường hợp tác, tiếp nhận, chuyển giao công nghệ xanh, công nghệ

môi trường, năng lượng sạch, công nghệ các-bon thấp và các giải pháp phục vụ kinh tế tuần hoàn, bảo tồn thiên nhiên và thích ứng với biến đổi khí hậu.

d) Theo dõi, cung cấp thông tin, hướng dẫn và hỗ trợ doanh nghiệp nâng cao năng lực đáp ứng các tiêu chuẩn, quy định, yêu cầu của thị trường quốc tế về môi trường, khí hậu, các-bon và chuỗi cung ứng bền vững.

IV. KINH PHÍ THỰC HIỆN

1. Kinh phí thực hiện Kế hoạch được bố trí trong dự toán chi ngân sách nhà nước hằng năm theo phân cấp ngân sách, kế hoạch đầu tư công và khả năng cân đối ngân sách; đồng thời huy động các nguồn vốn hợp pháp khác theo quy định.

2. Căn cứ nhiệm vụ được giao, các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân các xã, phường, đặc khu và cơ quan, đơn vị liên quan chủ động xây dựng dự toán, lồng ghép nguồn lực trong các chương trình, kế hoạch, đề án, dự án có liên quan và huy động các nguồn lực hợp pháp để tổ chức thực hiện, bảo đảm tiết kiệm, hiệu quả.

3. Việc lập, tổng hợp, bố trí, quản lý, sử dụng và thanh quyết toán kinh phí thực hiện theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước, đầu tư công và pháp luật có liên quan.

V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Tổ chức triển khai chung

Các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân các xã, phường, đặc khu và các cơ quan, đơn vị liên quan căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao, Phụ lục I và Phụ lục II kèm theo Kế hoạch để tổ chức triển khai thực hiện; bảo đảm tiến độ, chất lượng, hiệu quả và trách nhiệm phối hợp; báo cáo kết quả thực hiện với Ủy ban nhân dân thành phố *(qua Sở Nông nghiệp và Môi trường)* khi có yêu cầu.

2. Sở Nông nghiệp và Môi trường

a) Là cơ quan đầu mối theo dõi, đôn đốc việc thực hiện Kế hoạch; tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân thành phố khi có yêu cầu; tổ chức sơ kết, tổng kết việc thực hiện Kế hoạch.

b) Chủ trì rà soát các cơ chế, chính sách, quy định thuộc thẩm quyền thành phố về bảo vệ môi trường, tài nguyên, khí tượng thủy văn, biến đổi khí hậu, phòng, chống thiên tai; đề xuất sửa đổi, bổ sung, thay thế hoặc kiến nghị xử lý các nội dung bất cập, chồng chéo, không còn phù hợp.

c) Tổ chức thực hiện các nhiệm vụ thuộc lĩnh vực bảo vệ môi trường, chất thải, quan trắc môi trường, tài nguyên đất, nước, khoáng sản, rừng, biển và hải đảo, bảo tồn thiên nhiên, đa dạng sinh học, khí tượng thủy văn, biến đổi khí hậu, giảm phát thải khí nhà kính, nông nghiệp, thủy lợi và phòng, chống thiên tai theo chức năng, nhiệm vụ.

d) Kiểm soát nguồn nước thải, khí thải lớn; quản lý, khai thác dữ liệu quan trắc tự động; thực hiện các nhiệm vụ về quản lý chất thải, chất lượng môi trường và phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường theo chức năng, nhiệm vụ.

đ) Tổ chức các nhiệm vụ về bảo vệ, phát triển rừng; bảo tồn thiên nhiên, đa dạng sinh học; bảo tồn, phục hồi hệ sinh thái biển, ven biển và thực hiện trách nhiệm quản lý nhà nước đối với các khu bảo tồn theo chức năng.

e) Thực hiện đánh giá tác động, tính dễ bị tổn thương, rủi ro, tổn thất và thiệt hại do biến đổi khí hậu; rà soát, cập nhật Kế hoạch hành động ứng phó với biến đổi khí hậu; phối hợp triển khai các giải pháp phòng, chống thiên tai, bảo đảm nhà ở an toàn, bố trí, sắp xếp, di dời dân cư và nâng cao khả năng chống chịu theo chức năng, nhiệm vụ.

f) Thực hiện các nhiệm vụ về sử dụng hiệu quả tài nguyên, quản lý chất thải, quản lý và giảm phát thải khí nhà kính gắn với kinh tế tuần hoàn trong phạm vi quản lý; phối hợp với cơ quan thống kê và các cơ quan liên quan tổng hợp thông tin, số liệu có liên quan phục vụ tổng hợp, đánh giá tỷ trọng kinh tế xanh trong GRDP của thành phố theo quy định, hướng dẫn của cơ quan có thẩm quyền.

3. Sở Xây dựng

a) Tổ chức thực hiện các nhiệm vụ về thoát nước, thu gom, xử lý nước thải sinh hoạt đô thị; phát triển hạ tầng kỹ thuật đô thị theo chức năng, nhiệm vụ được giao.

b) Triển khai các nhiệm vụ về đô thị xanh, công trình xanh, vật liệu xây dựng xanh, giao thông xanh; nâng cao khả năng chống chịu của đô thị, nhà ở và hạ tầng kỹ thuật trước thiên tai và biến đổi khí hậu.

C0 Phối hợp thực hiện các giải pháp về nhà ở an toàn, bố trí dân cư và hạ tầng thích ứng; thực hiện kiểm kê, quản lý và giảm phát thải khí nhà kính trong lĩnh vực xây dựng theo quy định.

4. Sở Tài chính

a) Hằng năm, trên cơ sở đề xuất của các cơ quan, đơn vị, địa phương, rà soát, tổng hợp nhu cầu kinh phí thực hiện Kế hoạch; căn cứ khả năng cân đối ngân sách và phân cấp ngân sách, tham mưu cấp có thẩm quyền bố trí kinh phí thực hiện các nhiệm vụ theo quy định của pháp luật; theo dõi, tổng hợp chỉ tiêu chi sự nghiệp bảo vệ môi trường theo quy định.

b) Phối hợp với các cơ quan liên quan trong việc huy động, sử dụng nguồn vốn ODA, vốn vay ưu đãi nước ngoài, viện trợ và các nguồn tài chính hợp pháp khác.

5. Sở Công Thương

a) Tổ chức quản lý, rà soát, hướng dẫn, đôn đốc chủ đầu tư hạ tầng các cụm công nghiệp đầu tư, hoàn thiện và vận hành hệ thống thu gom, xử lý nước thải theo quy định; nâng cao hiệu quả thu gom, xử lý nước thải, đáp ứng yêu cầu về

bảo vệ môi trường; phối hợp rà soát, xử lý các vấn đề ô nhiễm môi trường tại cụm công nghiệp và trong các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý.

b) Triển khai các chương trình, nhiệm vụ, giải pháp phát triển năng lượng mới, năng lượng tái tạo, năng lượng sạch và sử dụng năng lượng tiết kiệm, hiệu quả theo chức năng, nhiệm vụ.

c) Hướng dẫn, hỗ trợ doanh nghiệp thực hiện sản xuất sạch hơn, công nghiệp xanh, kinh tế tuần hoàn, sử dụng hiệu quả tài nguyên, năng lượng và giảm phát thải; thực hiện các nhiệm vụ về quản lý, giảm phát thải khí nhà kính thuộc lĩnh vực công thương theo quy định; rà soát, cập nhật danh sách các cơ sở phát thải khí nhà kính phải thực hiện kiểm kê khí nhà kính thuộc phạm vi quản lý; hỗ trợ các cơ sở thực hiện trách nhiệm giảm phát thải và tham gia thị trường các-bon theo lộ trình, quy định; phối hợp cung cấp thông tin, số liệu có liên quan phục vụ tổng hợp theo quy định.

6. Sở Khoa học và Công nghệ

a) Chủ trì tổ chức đặt hàng, tuyển chọn các nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp thành phố về bảo vệ môi trường, sử dụng hiệu quả tài nguyên, chuyển đổi xanh và thích ứng với biến đổi khí hậu.

b) Thực hiện các nội dung thuộc chức năng về đánh giá, ứng dụng công nghệ, chuyển đổi số, nền tảng số; phối hợp tích hợp, kết nối dữ liệu và ứng dụng trí tuệ nhân tạo, dữ liệu lớn, viễn thám phục vụ quản lý.

7. Sở Giáo dục và Đào tạo

Tổ chức lồng ghép kiến thức, kỹ năng về bảo vệ môi trường, biến đổi khí hậu, kinh tế tuần hoàn, lối sống xanh, sử dụng tiết kiệm tài nguyên và phòng, chống thiên tai trong hoạt động giáo dục, đào tạo; phát triển các hoạt động, mô hình trường học xanh phù hợp.

8. Sở Y tế

Tổ chức quản lý chất thải y tế; theo dõi, phòng ngừa, ứng phó với các nguy cơ sức khỏe do ô nhiễm môi trường, thiên tai, biến đổi khí hậu và thời tiết cực đoan; bảo đảm năng lực y tế phục vụ ứng phó sự cố, thiên tai và bố trí, di dời dân cư.

9. Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch

Tổ chức thực hiện các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong hoạt động văn hóa, thể thao, du lịch; phát triển du lịch xanh, du lịch sinh thái, giảm chất thải nhựa; phối hợp bảo vệ cảnh quan, hệ sinh thái và môi trường tại các khu, điểm du lịch, nhất là khu vực biển, đảo.

10. Sở Nội vụ

Phối hợp rà soát nhu cầu, tổ chức đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao năng lực

đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức thực hiện nhiệm vụ về môi trường, tài nguyên, biến đổi khí hậu, phòng, chống thiên tai và chuyển đổi xanh; chú trọng đội ngũ trực tiếp thực hiện nhiệm vụ tại cấp xã theo quy định.

11. Sở Ngoại vụ

Tham mưu và tổ chức các hoạt động đối ngoại, hợp tác quốc tế thuộc thẩm quyền thành phố; phối hợp kết nối đối tác, chương trình hợp tác, chuyên gia, công nghệ và nguồn lực phục vụ bảo vệ môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu và chuyển đổi xanh.

12. Sở Tư pháp

Thực hiện thẩm định, kiểm tra văn bản quy phạm pháp luật theo chức năng; phối hợp với Sở Nông nghiệp và Môi trường rà soát các cơ chế, chính sách thuộc thẩm quyền thành phố về bảo vệ môi trường, tài nguyên và ứng phó với biến đổi khí hậu; phối hợp phổ biến, giáo dục pháp luật có liên quan.

13. Ban Quản lý Khu kinh tế Hải Phòng

a) Tổ chức quản lý công tác bảo vệ môi trường, hạ tầng môi trường và nguồn thải tại khu kinh tế, khu công nghiệp thuộc phạm vi quản lý; đôn đốc chủ đầu tư hạ tầng và doanh nghiệp thực hiện đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường. Phối hợp kiểm soát các nguồn thải lớn và việc kết nối dữ liệu quan trắc tự động, liên tục của các cơ sở thuộc phạm vi quản lý.

b) Triển khai các nhiệm vụ phát triển, chuyển đổi khu công nghiệp theo mô hình khu công nghiệp sinh thái; thúc đẩy cộng sinh công nghiệp, sản xuất sạch hơn, sử dụng hiệu quả tài nguyên, năng lượng và chuyển đổi xanh; phối hợp triển khai các yêu cầu về kiểm kê, quản lý và giảm phát thải khí nhà kính tại khu kinh tế, khu công nghiệp theo quy định.

c) Lồng ghép yêu cầu về công nghệ sạch, hạ tầng môi trường, sử dụng hiệu quả tài nguyên và giảm phát thải trong thu hút, triển khai các dự án thuộc phạm vi quản lý.

14. Thanh tra thành phố

Thực hiện thanh tra theo chức năng, nhiệm vụ và thẩm quyền; phối hợp với các cơ quan liên quan trong xử lý các vụ việc có dấu hiệu vi phạm; bảo đảm không chồng chéo trong hoạt động thanh tra, kiểm tra.

15. Công an thành phố

a) Thực hiện quản lý nhà nước về an ninh, trật tự liên quan đến bảo vệ môi trường, tài nguyên và ứng phó với biến đổi khí hậu theo chức năng, thẩm quyền; phối hợp kiểm tra, hướng dẫn việc chấp hành pháp luật về bảo vệ môi trường trên địa bàn thành phố.

b) Tổ chức phòng ngừa, đấu tranh có hiệu quả, xử lý nghiêm các loại tội

phạm và các hành vi vi phạm pháp luật về môi trường, tài nguyên và đa dạng sinh học theo thẩm quyền.

16. Bộ Chỉ huy quân sự thành phố

Rà soát, củng cố lực lượng, phương tiện, trang thiết bị thuộc phạm vi quản lý phục vụ phòng thủ dân sự, phòng, chống thiên tai, ứng phó sự cố, tìm kiếm cứu nạn và khắc phục hậu quả; phối hợp xây dựng, tổ chức huấn luyện, diễn tập và thực hiện các phương án ứng phó, cứu hộ, cứu nạn tại khu vực ven biển, hải đảo và các địa bàn có nguy cơ cao.

17. Ủy ban nhân dân các xã, phường, đặc khu

a) Tổ chức thực hiện các nhiệm vụ về bảo vệ môi trường, quản lý chất thải, tài nguyên, phòng, chống thiên tai và thích ứng với biến đổi khí hậu thuộc thẩm quyền; lồng ghép các mục tiêu, nhiệm vụ của Kế hoạch trong kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và quản lý địa bàn.

b) Tổ chức phân loại chất thải rắn sinh hoạt tại nguồn; quản lý hoạt động thu gom, điểm tập kết, trung chuyển; rà soát, xử lý các bãi rác tự phát, điểm ô nhiễm và phản ánh môi trường thuộc thẩm quyền.

c) Kiểm tra, giám sát các cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ, làng nghề thuộc phạm vi quản lý; kịp thời xử lý hoặc kiến nghị xử lý các hành vi vi phạm, vấn đề môi trường phát sinh.

d) Rà soát khu vực có nguy cơ thiên tai, điểm sơ tán và các hộ dân cần bố trí đến nơi an toàn; xây dựng, cập nhật và tổ chức thực hiện phương án phòng, chống thiên tai, sơ tán, cứu hộ, cứu nạn trên địa bàn.

đ) Đối với đặc khu Cát Hải và đặc khu Bạch Long Vĩ, tăng cường quản lý môi trường biển, nước thải, chất thải, rác thải nhựa; bảo vệ hệ sinh thái, đa dạng sinh học và triển khai các giải pháp thích ứng phù hợp điều kiện hải đảo.

18. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam thành phố và các tổ chức chính trị - xã hội

Tăng cường tuyên truyền, vận động đoàn viên, hội viên và Nhân dân tham gia bảo vệ môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu, thực hành lối sống xanh, tiêu dùng bền vững; tham gia giám sát, phản biện xã hội và nhân rộng các mô hình cộng đồng hiệu quả.

19. Các cơ quan báo chí, truyền thông thành phố

Tổ chức tuyên truyền, phổ biến chủ trương, chính sách, pháp luật; phản ánh kết quả thực hiện, mô hình, sáng kiến, cách làm hiệu quả về bảo vệ môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu và chuyển đổi xanh.

20. Các doanh nghiệp, chủ dự án, cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ, chủ đầu tư và đơn vị quản lý hạ tầng

a) Thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường, quản lý tài nguyên, phòng, chống thiên tai, kiểm kê và giảm phát thải khí nhà kính; bố trí đầy đủ nguồn lực, vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình bảo vệ môi trường.

b) Chủ động đổi mới công nghệ, sử dụng tiết kiệm tài nguyên, năng lượng; tăng tái sử dụng, tái chế, tuần hoàn tài nguyên; giảm phát sinh chất thải và phát thải khí nhà kính.

c) Đầu tư, vận hành đồng bộ hạ tầng bảo vệ môi trường thuộc trách nhiệm; phối hợp với cơ quan quản lý và chính quyền địa phương trong cung cấp thông tin, kiểm tra, giám sát, phòng ngừa và ứng phó sự cố.

21. Các Sở, ban, ngành và cơ quan, đơn vị liên quan

Căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao, tổ chức thực hiện các nội dung có liên quan của Kế hoạch; phối hợp thực hiện các nội dung theo phân công và cung cấp đầy đủ thông tin, số liệu, kết quả thực hiện phục vụ theo dõi, tổng hợp.

Trong quá trình thực hiện, các cơ quan, đơn vị chủ động xử lý khó khăn, vướng mắc thuộc thẩm quyền; trường hợp vượt thẩm quyền, kịp thời gửi Sở Nông nghiệp và Môi trường để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân thành phố xem xét, chỉ đạo./.

Nơi nhận:
- Thường trực Thành ủy (để b/c);
- Thường trực HĐND thành phố (để b/c);
- Ban Tuyên giáo Thành ủy;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND thành phố;
- Các Sở, ban, ngành thành phố;
- Ủy ban MTTQ Việt Nam thành phố và các tổ chức chính trị - xã hội;
- UBND xã, phường, đặc khu;
- CVP, PCVP Phạm Anh Tuấn;
- Các phòng: NNMT, NVKTGS;
- Cổng thông tin điện tử TP (để đăng tải công khai theo quy định);
- Lưu: VT, T. L. Khiết.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

Lê Anh Quân

PHỤ LỤC I
CÁC MỤC TIÊU CỤ THỂ ĐẾN NĂM 2030
(Kèm theo Kế hoạch số: /KH-UBND ngày tháng năm 2026 của Ủy ban nhân dân thành phố)

STT	Chỉ tiêu	Mục tiêu đến năm 2030	Cơ quan chủ trì tổng hợp, theo dõi
1	Tỷ lệ chi sự nghiệp bảo vệ môi trường trong tổng chi ngân sách nhà nước hằng năm	Tỷ lệ chi sự nghiệp bảo vệ môi trường trung bình tối thiểu 2% trong giai đoạn 2026-2030	Sở Tài chính
2	Tỷ lệ các nguồn nước thải, khí thải lớn được quan trắc tự động, liên tục	100%	Sở Nông nghiệp và Môi trường
3	Tỷ lệ cụm công nghiệp có nước thải được xử lý đạt quy chuẩn môi trường	100%	Sở Công Thương
4	Tỷ lệ nước thải sinh hoạt đô thị tại đô thị loại I được thu gom, xử lý đạt quy chuẩn môi trường	70%	Sở Xây dựng
5	Tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt đô thị được thu gom, xử lý	100%	Sở Nông nghiệp và Môi trường
6	Tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt ở khu vực nông thôn được thu gom, xử lý	100%	Sở Nông nghiệp và Môi trường
7	Tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt được xử lý bằng phương pháp chôn lấp trực tiếp so với lượng chất thải được thu gom	< 30%	Sở Nông nghiệp và Môi trường
8	Tỷ lệ che phủ rừng	6,5%	Sở Nông nghiệp và Môi trường
9	Tỷ lệ diện tích các khu bảo tồn biển, ven biển	Thành lập Khu bảo tồn biển Cát Bà - Long Châu và điều chỉnh ranh giới Khu bảo tồn biển Bạch Long Vĩ	Sở Nông nghiệp và Môi trường

STT	Chỉ tiêu	Mục tiêu đến năm 2030	Cơ quan chủ trì tổng hợp, theo dõi
10	Tỷ lệ số hộ dân thuộc khu vực thường xuyên xảy ra thiên tai có nhà ở an toàn	100%	Sở Nông nghiệp và Môi trường
11	Tỷ lệ các hộ dân sinh sống ở nơi có nguy cơ cao xảy ra lũ quét, sạt lở đất được di dời đến nơi an toàn	100%	Sở Nông nghiệp và Môi trường
12	Tỷ trọng kinh tế xanh trong GRDP của thành phố	10%	Sở Nông nghiệp và Môi trường
13	Tỷ lệ khu công nghiệp sinh thái trên tổng số khu công nghiệp trên địa bàn thành phố	10%	Ban Quản lý Khu kinh tế Hải Phòng
14	Tỷ trọng năng lượng tái tạo trong tổng cung năng lượng sơ cấp trên địa bàn thành phố	26,5%	Sở Công Thương
15	Mức giảm tiêu hao năng lượng tính trên GRDP/năm	1,5%	Sở Công Thương
16	Số công trình xây dựng xanh được chứng nhận trên địa bàn thành phố	50	Sở Xây dựng
17	Mức giảm phát thải khí nhà kính của thành phố so với kịch bản phát triển thông thường	9%	Sở Nông nghiệp và Môi trường

PHỤ LỤC II
DANH MỤC NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM GIAI ĐOẠN 2026-2030

(Kèm theo Kế hoạch số: /KH-UBND ngày tháng năm 2026 của Ủy ban nhân dân thành phố)

TT	Nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian	Kết quả/Sản phẩm	Nguồn lực	Ghi chú
I	**Tuyên truyền, giáo dục, nâng cao nhận thức và huy động sự tham gia của toàn xã hội**						
1	Tuyên truyền, phổ biến chính sách, pháp luật; truyền thông, nâng cao nhận thức về bảo vệ môi trường, sử dụng hiệu quả tài nguyên và chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu trên địa bàn thành phố.	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Ủy ban MTTQ Việt Nam thành phố và các tổ chức chính trị - xã hội; các sở, ban, ngành; UBND các xã, phường, đặc khu; các cơ quan, đơn vị liên quan	Hằng năm	Các hình thức tuyên truyền	Ngân sách nhà nước (NSNN) theo phân cấp và các nguồn lực hợp pháp khác theo quy định	
2	Duy trì và nhân rộng các phong trào, mô hình cộng đồng về bảo vệ môi trường, phân loại chất thải tại nguồn, giảm sử dụng sản phẩm nhựa dùng một lần, lối sống xanh, tiêu dùng xanh, tiết kiệm tài nguyên, năng lượng, bảo vệ thiên nhiên và phòng tránh rủi ro thiên tai phù hợp với điều kiện địa phương.	UBND các xã, phường, đặc khu	Sở Nông nghiệp và Môi trường; Ủy ban MTTQ Việt Nam thành phố và các tổ chức chính trị - xã hội; các sở, ban, ngành và cơ quan, đơn vị liên quan	Hằng năm	Các phong trào, mô hình cộng đồng	NSNN theo phân cấp và các nguồn lực hợp pháp khác theo quy định	

TT	Nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian	Kết quả/Sản phẩm	Nguồn lực	Ghi chú
3	Tuyên truyền, phổ biến, hướng dẫn triển khai Bộ Tiêu chí Du lịch Xanh thành phố Hải Phòng đối với các điểm tham quan du lịch, cơ sở lưu trú du lịch, doanh nghiệp lữ hành; tổ chức thẩm định, tham mưu hoặc thực hiện công nhận các cơ sở du lịch đạt Tiêu chí Du lịch Xanh theo thẩm quyền; tuyên truyền, quảng bá các cơ sở, mô hình du lịch xanh tiêu biểu.	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	UBND các xã, phường, đặc khu; Hiệp hội Du lịch thành phố và các cơ quan, đơn vị liên quan	Hằng năm, giai đoạn 2026-2030	Các hoạt động, văn bản tuyên truyền, phổ biến, hướng dẫn triển khai Bộ Tiêu chí Du lịch Xanh; hồ sơ/cơ sở du lịch được thẩm định, công nhận theo thẩm quyền; các cơ sở, mô hình du lịch xanh tiêu biểu được tuyên truyền, quảng bá	NSNN theo phân cấp và các nguồn lực hợp pháp khác theo quy định	
II	**Hoàn thiện thể chế, pháp luật; nâng cao hiệu lực, hiệu quả thực thi; tăng cường kiểm tra, giám sát**						
1	Rà soát các cơ chế, chính sách, quy định thuộc thẩm quyền thành phố về bảo vệ môi trường, tài nguyên, khí tượng thủy văn, biến đổi khí hậu, phòng, chống thiên tai; đề xuất sửa đổi, bổ sung, thay thế hoặc kiến nghị xử lý nội dung bất cập, chồng chéo, không còn phù hợp	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Sở Tư pháp; các sở, ban, ngành; UBND các xã, phường, đặc khu; các cơ quan, đơn vị liên quan	2026-2030	Báo cáo/kết quả rà soát; đề xuất sửa đổi, bổ sung, thay thế hoặc kiến nghị xử lý theo thẩm quyền.	NSNN theo phân cấp và các nguồn lực hợp pháp khác theo quy định	
2	Nhiệm vụ xác định vị trí, ranh giới của vùng bảo vệ nghiêm ngặt, vùng hạn chế phát thải đã được xác định trong quy hoạch thành phố Hải Phòng	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Sở Xây dựng; Sở Công Thương; Ban Quản lý Khu kinh tế Hải Phòng; UBND các xã, phường, đặc khu; các cơ quan, đơn vị liên quan	2026-2027	Quyết định phê duyệt vị trí, ranh giới	NSNN theo phân cấp và các nguồn lực hợp pháp khác theo quy định	

TT	Nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian	Kết quả/Sản phẩm	Nguồn lực	Ghi chú
3	Tổ chức kiểm tra việc chấp hành pháp luật về bảo vệ môi trường theo kế hoạch và yêu cầu quản lý; xử lý hoặc kiến nghị xử lý vi phạm theo thẩm quyền	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Công an thành phố; Ban Quản lý Khu kinh tế Hải Phòng; UBND các xã, phường, đặc khu; các cơ quan, đơn vị liên quan	Hằng năm	Quyết định/kế hoạch kiểm tra	NSNN theo phân cấp và các nguồn lực hợp pháp khác theo quy định	
III	**Huy động, phân bổ và sử dụng hiệu quả các nguồn lực**						
1	Hằng năm, rà soát, tổng hợp nhu cầu kinh phí cho công tác bảo vệ môi trường và ứng phó với biến đổi khí hậu; xác định nguồn kinh phí, khả năng lồng ghép, phân kỳ thực hiện và tham mưu cấp có thẩm quyền bố trí kinh phí theo phân cấp, khả năng cân đối ngân sách và quy định của pháp luật.	Sở Tài chính	Sở Nông nghiệp và Môi trường; các sở, ban, ngành; UBND các xã, phường, đặc khu; các cơ quan, đơn vị liên quan	Hằng năm	Dự toán ngân sách nhà nước, kế hoạch đầu tư công và các văn bản tham mưu cấp có thẩm quyền bố trí nguồn lực theo quy định	NSNN theo phân cấp; nguồn vốn ODA, vốn vay ưu đãi, viện trợ, xã hội hóa và các nguồn vốn hợp pháp khác theo quy định	Việc bố trí kinh phí căn cứ khả năng cân đối ngân sách, điều kiện, tiêu chí và quy định pháp luật đối với từng nhiệm vụ, dự án.
IV	**Tập trung giải quyết các vấn đề bức xúc về môi trường; chủ động phòng ngừa, kiểm soát ô nhiễm và cải thiện chất lượng môi trường sống**						
1	Đề án phát triển tổng thể hệ thống thủy lợi Bắc Hưng Hải, phục vụ đa mục tiêu và bảo vệ môi trường bền vững trên địa bàn thành phố Hải Phòng	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Các sở, ban, ngành; các cơ quan, đơn vị liên quan	2026-2030	Đề án	NSNN theo phân cấp và các nguồn lực hợp pháp khác theo quy định	
2	Kế hoạch quản lý chất lượng môi trường không khí thành phố Hải Phòng giai đoạn 2026-2030	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Sở Xây dựng; Sở Công Thương; Ban Quản lý Khu kinh tế Hải Phòng; Công an thành phố; UBND các địa phương và cơ quan liên quan	Năm 2027	Kế hoạch	NSNN theo phân cấp và các nguồn lực hợp pháp khác theo quy định	

TT	Nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian	Kết quả/Sản phẩm	Nguồn lực	Ghi chú
3	Xử lý ô nhiễm môi trường làng nghề, khu vực khai thác - chế biến khoáng sản, khu vực tồn lưu hóa chất, thuốc bảo vệ thực vật, các bãi chôn lấp chất thải không hợp vệ sinh và các điểm nóng ô nhiễm khác	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Công an thành phố; các sở, ban, ngành; UBND các xã, phường, đặc khu; các cơ quan, đơn vị liên quan	2026-2030	Các nhiệm vụ, dự án/phương án	NSNN theo phân cấp và các nguồn lực hợp pháp khác theo quy định	
4	Rà soát nhu cầu, đề xuất danh mục đầu tư, nâng cấp hạ tầng thu gom, trung chuyển, tái chế, xử lý chất thải; thúc đẩy tái sử dụng, tái chế, thu hồi năng lượng và giảm chôn lấp trực tiếp.	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Sở Tài chính; Sở Xây dựng; UBND các xã, phường, đặc khu; nhà đầu tư/đơn vị dịch vụ; cơ quan, đơn vị liên quan	2026-2030	Các nhiệm vụ, dự án	NSNN theo phân cấp và các nguồn lực hợp pháp khác theo quy định	
5	Theo dõi, đôn đốc tiến độ đầu tư Dự án xử lý rác thải Seraphin Hải Dương tại xã Lai Khê và Dự án đầu tư xây dựng Nhà máy xử lý chất thải rắn sinh hoạt bằng công nghệ đốt rác phát điện tại địa điểm tiếp giáp Khu xử lý chất thải rắn Gia Minh, phường Bạch Đằng.	Sở Tài chính	Sở Nông nghiệp và Môi trường; Sở Xây dựng; Sở Công Thương; nhà đầu tư/chủ đầu tư; các cơ quan, đơn vị liên quan	Theo tiến độ dự án; phấn đấu hoàn thành, đưa vào vận hành trong năm 2027	Kết quả theo dõi, đôn đốc tiến độ 02 dự án.	Nguồn vốn của dự án và các nguồn lực hợp pháp khác theo quy định	

TT	Nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian	Kết quả/Sản phẩm	Nguồn lực	Ghi chú
6	Tổ chức thực hiện phân loại chất thải rắn sinh hoạt tại nguồn; rà soát, bố trí và quản lý điểm tập kết, trung chuyển; tổ chức thu gom, chuyển giao phù hợp điều kiện từng địa bàn; xử lý các điểm tồn lưu, bãi rác tự phát thuộc phạm vi quản lý.	UBND các xã, phường, đặc khu	Sở Nông nghiệp và Môi trường; các đơn vị thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải; Ủy ban MTTQ Việt Nam thành phố và các tổ chức chính trị - xã hội; các cơ quan, đơn vị liên quan	2026-2030	Kết quả tổ chức thực hiện phân loại, thu gom, xử lý chất thải rắn sinh hoạt.	NSNN theo phân cấp và các nguồn lực hợp pháp khác theo quy định	
7	Rà soát, hướng dẫn, đôn đốc chủ đầu tư hạ tầng các cụm công nghiệp đầu tư, hoàn thiện và vận hành hệ thống thu gom, xử lý nước thải theo quy định; bảo đảm nước thải được xử lý đạt quy chuẩn môi trường	Sở Công Thương	Sở Nông nghiệp và Môi trường; Ủy ban nhân dân các xã, phường, đặc khu có cụm công nghiệp	2026-2030	Kết quả rà soát, hướng dẫn, đôn đốc thực hiện	Nguồn vốn của doanh nghiệp/chủ đầu tư và các nguồn lực hợp pháp khác theo quy định	
8	Giám sát các nguồn thải lớn, các cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Ban Quản lý Khu kinh tế Hải Phòng; Sở Công Thương; Công an thành phố; các cơ sở thuộc đối tượng; cơ quan, đơn vị liên quan	Hằng năm	Kết quả giám sát theo quy định.	NSNN theo phân cấp và các nguồn lực hợp pháp khác theo quy định	
9	Lập Đề án Tăng cường năng lực thu gom, xử lý nước thải sinh hoạt tập trung tại các đô thị trên địa bàn thành phố Hải Phòng đến năm 2030	Sở Xây dựng	Sở Tài chính; Sở Nông nghiệp và Môi trường; UBND các xã, phường, đặc khu có liên quan	Năm 2026	Đề án được phê duyệt.	NSNN theo phân cấp, nguồn vốn ODA và các nguồn lực hợp pháp khác theo quy định	

TT	Nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian	Kết quả/Sản phẩm	Nguồn lực	Ghi chú
10	Đầu tư các dự án thu gom, xử lý nước thải trên địa bàn phía Đông thành phố theo danh mục của Đề án Tăng cường năng lực thu gom, xử lý nước thải sinh hoạt tập trung tại các đô thị trên địa bàn thành phố Hải Phòng đến năm 2030	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình dân dụng và công nghiệp Hải Phòng	Sở Xây dựng; Sở Tài chính; Sở Nông nghiệp và Môi trường; UBND các xã, phường, đặc khu có liên quan	2026-2030	Các dự án thu gom, xử lý nước thải trên địa bàn phía Đông thành phố theo danh mục đề xuất của Đề án	NSNN theo phân cấp, nguồn vốn ODA và các nguồn lực hợp pháp khác theo quy định	
11	Đầu tư các dự án thu gom, xử lý nước thải trên địa bàn phía Tây thành phố theo danh mục của Đề án Tăng cường năng lực thu gom, xử lý nước thải sinh hoạt tập trung tại các đô thị trên địa bàn thành phố Hải Phòng đến năm 2030	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình nông nghiệp và phát triển nông thôn Hải Phòng	Sở Xây dựng; Sở Tài chính; Sở Nông nghiệp và Môi trường; UBND các xã, phường có liên quan	2026-2030	Các dự án thu gom, xử lý nước thải trên địa bàn phía Tây thành phố theo danh mục đề xuất của Đề án	NSNN theo phân cấp, nguồn vốn ODA và các nguồn lực hợp pháp khác theo quy định	
V	**Bảo tồn thiên nhiên, phục hồi hệ sinh thái, đa dạng sinh học; quản lý và sử dụng hiệu quả tài nguyên thiên nhiên**						
1	Quản lý, bảo vệ diện tích rừng hiện có; thực hiện các biện pháp lâm sinh, bảo đảm đến năm 2030 tỷ lệ che phủ rừng của thành phố đạt 6,5%	Sở Nông nghiệp và Môi trường	UBND các xã, phường, đặc khu có rừng; Vườn Quốc gia Cát Bà; Ban Quản lý rừng và Khuyến nông	2026-2030	Tỷ lệ che phủ rừng toàn thành phố đạt 6,5%	NSNN theo phân cấp và các nguồn lực hợp pháp khác theo quy định	
2	Lập và tổ chức triển khai thực hiện Dự án Bảo tồn đa dạng sinh học vùng lõi và phục hồi rạn san hô	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Sở Khoa học và Công nghệ; Sở Xây dựng; Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch; các cơ quan, đơn vị liên quan	2026-2030	Dự án	NSNN theo phân cấp và các nguồn lực hợp pháp khác theo quy định	

TT	Nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian	Kết quả/Sản phẩm	Nguồn lực	Ghi chú
3	Nhiệm vụ thành lập Khu bảo tồn biển Cát Bà - Long Châu	Vườn Quốc gia Cát Bà	Sở Nông nghiệp và Môi trường; UBND đặc khu Cát Hải; các cơ quan, đơn vị liên quan	Năm 2027	Quyết định thành lập Khu bảo tồn biển Cát Bà - Long Châu.	NSNN theo phân cấp và các nguồn lực hợp pháp khác theo quy định	
4	Nhiệm vụ điều chỉnh ranh giới, diện tích Khu bảo tồn biển Bạch Long Vĩ	UBND đặc khu Bạch Long Vĩ	Sở Nông nghiệp và Môi trường; Sở Tài chính; các cơ quan, đơn vị liên quan	Năm 2028	Quyết định điều chỉnh ranh giới, diện tích Khu bảo tồn biển Bạch Long Vĩ.	NSNN theo phân cấp và các nguồn lực hợp pháp khác theo quy định	
VI	**Chủ động thích ứng hiệu quả với biến đổi khí hậu, giảm thiểu rủi ro thiên tai, nâng cao mức độ an toàn của người dân và nền kinh tế**						
1	Nhiệm vụ Đánh giá tác động, tính dễ bị tổn thương, rủi ro, tổn thất và thiệt hại do biến đổi khí hậu trên địa bàn thành phố Hải Phòng	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Các sở, ban, ngành; UBND các xã, phường, đặc khu; các cơ quan, đơn vị liên quan	2026-2027	Báo cáo đánh giá.	NSNN theo phân cấp và các nguồn lực hợp pháp khác theo quy định	
2	Kế hoạch phòng, chống thiên tai thành phố Hải Phòng giai đoạn 2026-2030	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Các sở, ban, ngành; UBND các xã, phường, đặc khu; các cơ quan, đơn vị liên quan	2026-2030	Kế hoạch	NSNN theo phân cấp và các nguồn lực hợp pháp khác theo quy định	
3	Xây dựng, cập nhật và tổ chức thực hiện Kế hoạch phòng, chống thiên tai cấp xã; rà soát khu vực có nguy cơ, địa điểm sơ tán, đối tượng ưu tiên; chuẩn bị lực lượng, vật tư, phương tiện và tổ chức tập huấn, diễn tập theo quy định.	UBND các xã, phường, đặc khu	Sở Nông nghiệp và Môi trường; Bộ Chỉ huy quân sự thành phố; Công an thành phố và các cơ quan, đơn vị liên quan	Hằng năm	Kế hoạch	NSNN theo phân cấp và các nguồn lực hợp pháp khác theo quy định	

TT	Nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian	Kết quả/Sản phẩm	Nguồn lực	Ghi chú
4	Xây dựng Kế hoạch thực hiện Chương trình bố trí dân cư các vùng: Thiên tai, đặc biệt khó khăn, biên giới, hải đảo, di cư tự do, khu rừng đặc dụng giai đoạn 2026-2030 trên địa bàn thành phố và tổ chức thực hiện	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Sở Xây dựng; Sở Tài chính; UBND các xã, phường, đặc khu; các cơ quan, đơn vị liên quan	2026-2030	Kế hoạch	NSNN theo phân cấp và các nguồn lực hợp pháp khác theo quy định	
5	Dự án phát triển bền vững khu vực Đông Nam thành phố Hải Phòng thích ứng biến đổi khí hậu	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình giao thông Hải Phòng	Sở Xây dựng; Sở Tài chính; Sở Nông nghiệp và Môi trường; UBND các xã, phường có liên quan	2026-2032	Dự án	NSNN theo phân cấp, nguồn vốn ODA và các nguồn lực hợp pháp khác theo quy định	
6	Triển khai đầu tư xây dựng Dự án "Phát triển thành phố Hải Phòng thích ứng với biến đổi khí hậu"	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình giao thông Hải Phòng	Sở Xây dựng; Sở Tài chính; Sở Nông nghiệp và Môi trường; UBND các xã, phường có liên quan	2026-2030	Dự án	NSNN theo phân cấp, nguồn vốn ODA và các nguồn lực hợp pháp khác theo quy định	
7	Triển khai Chương trình "Nhãn phát thải thấp" và số hóa nông nghiệp.	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Sở Khoa học và Công nghệ và các cơ quan, đơn vị liên quan	Hoàn thành tháng 12/2030	Chương trình	NSNN theo phân cấp và các nguồn lực hợp pháp khác theo quy định	
VII	**Chuyển đổi xanh, phát triển kinh tế tuần hoàn, kinh tế các-bon thấp và quản lý phát thải khí nhà kính**						
1	Đề án kiểm kê khí nhà kính và đề xuất giải pháp quản lý giảm nhẹ phát thải khí nhà kính trên địa bàn thành phố Hải Phòng	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Sở Công Thương; Sở Xây dựng; Ban Quản lý Khu kinh tế Hải Phòng; các cơ sở, đơn vị cung cấp số liệu và cơ quan liên quan	2026-2027	Đề án	NSNN theo phân cấp và các nguồn lực hợp pháp khác theo quy định	

TT	Nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian	Kết quả/Sản phẩm	Nguồn lực	Ghi chú
2	Xây dựng, triển khai Kế hoạch giảm phát thải các-bon thành phố Hải Phòng giai đoạn 2026-2030, tầm nhìn đến năm 2050.	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Các sở, ban, ngành; UBND các xã, phường, đặc khu; các cơ quan, đơn vị liên quan	2026-2030	Kế hoạch	NSNN theo phân cấp và các nguồn lực hợp pháp khác theo quy định	
3	Phát triển, chuyển đổi khu công nghiệp theo mô hình khu công nghiệp sinh thái; thúc đẩy cộng sinh công nghiệp, sử dụng hiệu quả tài nguyên, năng lượng, nước, tái sử dụng chất thải và giảm phát thải.	Ban Quản lý Khu kinh tế Hải Phòng	Sở Công Thương; Sở Nông nghiệp và Môi trường; Sở Khoa học và Công nghệ; Sở Tài chính; doanh nghiệp hạ tầng và doanh nghiệp trong khu công nghiệp	2026-2030	Kết quả chuyển đổi khu công nghiệp sinh thái.	NSNN theo phân cấp và các nguồn lực hợp pháp khác theo quy định	
4	Triển khai thí điểm 02-03 cụm công nghiệp theo mô hình cụm công nghiệp sinh thái	Sở Công Thương	Các sở, ngành và UBND các xã, phường, đặc khu có cụm công nghiệp	2026-2030	02-03 cụm công nghiệp được đầu tư xây dựng theo hướng sinh thái	Nguồn vốn của doanh nghiệp/chủ đầu tư và các nguồn lực hợp pháp khác theo quy định	
5	Triển khai các chương trình, nhiệm vụ phát triển năng lượng mới, năng lượng tái tạo, năng lượng sạch và sử dụng năng lượng tiết kiệm, hiệu quả	Sở Công Thương	Sở Tài chính; Sở Nông nghiệp và Môi trường; Sở Khoa học và Công nghệ; Sở Xây dựng; Ban Quản lý Khu kinh tế Hải Phòng; Công ty Điện lực Hải Phòng và các đơn vị liên quan	2026-2030	Các chương trình/ nhiệm vụ	NSNN theo phân cấp và các nguồn lực hợp pháp khác theo quy định	

TT	Nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian	Kết quả/Sản phẩm	Nguồn lực	Ghi chú
6	Thực hiện áp dụng đồng bộ các biện pháp quản lý, kiểm soát chặt chẽ việc thực hiện quy định về sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả trong hoạt động xây dựng để ứng phó với biến đổi khí hậu, phòng, chống thiên tai ngay từ quá trình lựa chọn vị trí dự án, thiết kế, xây dựng công trình xanh hoá từ khâu sản xuất, xây dựng, vận hành, bảo đảm an toàn công trình xanh, hiệu quả năng lượng	Sở Xây dựng	Các sở, ban, ngành; UBND các xã, phường, đặc khu; các cơ quan, đơn vị liên quan	2026-2030	Kết quả triển khai công trình xanh, hiệu quả năng lượng.	NSNN theo phân cấp và các nguồn lực hợp pháp khác theo quy định	
7	Lập Đề án phát triển vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt giai đoạn 2026-2030; triển khai thực hiện sau khi Đề án được phê duyệt	Sở Xây dựng	Sở Tài chính; Sở Khoa học và Công nghệ; Công an thành phố; UBND các xã, phường, đặc khu; các cơ quan, đơn vị liên quan	2026-2030	Đề án	NSNN theo phân cấp và các nguồn lực hợp pháp khác theo quy định	
VIII	**Phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số và đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao**						

TT	Nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian	Kết quả/Sản phẩm	Nguồn lực	Ghi chú
1	Đặt hàng, tuyển chọn các nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp thành phố về nghiên cứu, ứng dụng, chuyển giao phục vụ quan trắc, giám sát, dự báo, xử lý ô nhiễm, tái chế chất thải, công nghệ sạch, giảm phát thải và thích ứng với biến đổi khí hậu	Sở Khoa học và Công nghệ	Sở Nông nghiệp và Môi trường; các trường đại học, viện nghiên cứu và doanh nghiệp	2026-2030	Nhiệm vụ	NSNN theo phân cấp và các nguồn lực hợp pháp khác theo quy định	
2	Bổ sung cơ sở dữ liệu môi trường khu vực phía Tây và hoàn thiện cơ sở dữ liệu môi trường thành phố Hải Phòng trên Hệ thống thông tin môi trường, cơ sở dữ liệu môi trường; hệ thống thông tin báo cáo về môi trường thành phố Hải Phòng (giai đoạn 2)	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Sở Khoa học và Công nghệ; UBND các xã, phường, đặc khu; các cơ quan, đơn vị liên quan	2026-2027	Cơ sở dữ liệu môi trường thành phố được bổ sung, hoàn thiện.	NSNN theo phân cấp và các nguồn lực hợp pháp khác theo quy định	
IX	**Đẩy mạnh hợp tác và hội nhập quốc tế**						
1	Tăng cường kết nối, thúc đẩy các chương trình, hoạt động hợp tác quốc tế phục vụ bảo vệ môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu và chuyển đổi xanh trên địa bàn thành phố	Sở Ngoại vụ	Sở Nông nghiệp và Môi trường; Sở Khoa học và Công nghệ; Sở Công Thương; Sở Xây dựng; Sở Tài chính; Ban Quản lý Khu kinh tế Hải Phòng; các cơ quan, đơn vị liên quan	2026-2030	Các chương trình, hoạt động hợp tác	NSNN theo phân cấp và các nguồn lực hợp pháp khác theo quy định	